TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2020/DS-PT Ngày 03-3-2020 *V/v* "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị An Tiên.**

Các thẩm phán: Ông **Lâm Văn Be;**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng.**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hà Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà **Đặng Thị Châu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 396/2019/TLPT–DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 224, lộ 10, ấp Th, xã Th, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà H:

- Anh **Diệp Văn C**, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố Tr, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh- Là người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06-9-2019) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Anh **Dương Lê T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: khu phố Th, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh- Là người đại diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 15-10-2019) – Có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Th**, sinh năm 1983; Anh **G**, sinh năm 1977; Địa chỉ: khu phố Tr, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh G, chị Th: Anh **Nguyễn Công M**, sinh năm 1994; Địa chỉ: khu phố M, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh –Là người đại

diện theo ủy quyền. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03-9-2019) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22 tháng 8 năm 2019 của bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà H có cho anh G và chị Th vay tiền nhiều lần, đến ngày 28-02-2019 hai bên chốt nợ thì anh G, chị Th còn nợ bà H số tiền 2.000.000.000 đồng. Anh G chị Th có viết giấy nợ, hẹn 03 sau tháng trả lại, thỏa thuận miệng mức lãi suất là 1,5%/ tháng. Từ ngày vay đến nay, anh G, chị Th chưa trả cho bà H khoản tiền nào.

Anh G, chị Th có tham gia nhiều dây hụi do bà H làm chủ thảo, anh G chị Th đã hốt tất cả các dây hụi nhưng không góp hụi lại cho bà H tổng số hụi anh G chị Th nợ bà H là 1.816.000.000 đồng, trong đó khoản tiền viết thành giấy nợ 1.000.000.000 đồng đã khởi kiện trong vụ án khác; còn lại khoản tiền 816.000.000 đồng là tiền hụi chết còn lại của các dây hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25-3-2018, kết thúc ngày 25-02-2020 gồm 24 phần, anh G, chị Th tham gia 04 phần và đã hốt hết. Anh G, chị Th góp hụi đến tháng 3-2019 thì ngưng, bà H đã góp thay cho anh G chị Th từ tháng 3-2019 đến tháng 8-2019 là 240.000.000 đồng đã tính trong số nợ 1.000.000.000 đồng và đã xét xử xong. Tháng 9-2019, anh G, chị Th góp tiền hụi cho bà H 24.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng; bà H tiếp tục góp thay tiền hụi tháng 10-2019 cho anh G chị Th 40.000.000 đồng; tiền hụi bà H phải góp thay cho anh G chị Th đến ngày mãn hụi là 160.000.000 đồng. Tổng cộng, anh G, chị Th còn nợ bà H 216.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20-5-2018, mãn ngày 20-4-2020, gồm 24 phần, anh G, chị Th tham gia 04 phần và đã hốt hết. Bà H đã góp thay cho anh G, chị Th từ tháng 4-2019 đến tháng 8-2019 là 05 kỳ 200.000.000 đồng đã tính trong số nợ 1.000.000.000 đồng bà đã khởi kiện và xét xử xong. Bà H tiếp tục góp thay tháng 9-2019, tháng 10-2019 với số tiền 80.000.000 đồng; tiền hụi phải góp thay tính đến ngày mãn hụi 20-4-2020 là 240.000.000 đồng. Tổng cộng, anh G, chị Th còn nợ bà H 320.000.000 đồng

- Dây thứ ba: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018, mãn ngày 05-10-2020 gồm 24 phần, anh G, chị Th tham gia 02 phần và đã hốt hết. Bà H góp thay cho anh G chị Th từ tháng 4-2019 đến tháng 8-2019 là 100.000.000 đồng đã tính trong số nợ 1.000.000.000 đồng đã được Tòa án giải quyết xong. Bà H tiếp tục góp thay tháng 9-2019, tháng 10-2019 với số tiền 40.000.000 đồng; tiền hụi còn phải góp tính đến ngày mãn hụi 05-10-2020 là 240.000.000 đồng. Tổng cộng, anh G, chị Th còn nợ bà H 280.000.000 đồng.

Tổng cộng, anh G chị Th còn nợ bà 816.000.000 đồng tiền hụi.

Bà H yêu cầu anh G, chị Th trả cho bà 816.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi; 2.000.000.000 đồng tiền vay với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 29-5-2019 cho đến ngày Tòa án xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu anh G, chị Th trả tiền lãi quá hạn của khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,25%/tháng, tính từ ngày 29-5-2019 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn anh G, chị Nguyễn Thị Hồng Th và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về tiền vay: Anh G, chị Th có vay tiền của bà H nhiều lần. Ngày 28-02-2019 hai bên chốt nợ anh G chị Th nợ bà H 2.000.000.000 đồng, có viết giấy nợ, thời hạn trả nợ là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng nhưng chỉ thoả thuận miệng, không viết trong giấy nợ. Do làm ăn thua lỗ nên anh G chị Th chưa trả khoản tiền nào cho bà H.

Về tiền hụi: Thống nhất với lời trình bày của bà H và người đại diện theo ủy quyền của bà H. Anh G chị Th còn nợ bà H 816.000.000 đồng.

Anh G chị Th đồng ý trả cho bà H 2.000.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 29-5-2019 cho đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử; đồng ý trả 816.000.000 đồng tiền hụi; xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 29-10-2019 *của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh quyết định:*

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 17, 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tuyên xử:

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng Th anh G có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H 2.000.000.000 đồng tiền gốc và 125.000.000 đồng tiền lãi.

Buộc anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th trả cho bà Lê Thị H 176.000.000 đồng tiền hụi đã góp thay tính đến ngày xét xử 29-10-2019 và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn các dây hụi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:**

Theo đơn kháng cáo ngày 04-11-2019 của bà Lê Thị H, kháng cáo yêu cầu buộc anh G, chị Th trả cho bà 816.000.000 đồng tiền hụi.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 08-11-2019 của anh G, kháng cáo yêu cầu được trả dần mỗi tháng trả 10.000.000 đồng.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H; không chấp nhận kháng cáo của anh G. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Diệp Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H, anh Nguyễn Công M là người đại diện theo ủy quyền của anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề thể hiện khoản tiền bà H đã góp thay cho anh G chị Th tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 176.000.000 đồng; Còn lại 640.000.000 đồng là tổng số tiền hụi của các phần hụi tính đến thời điểm xét xử chưa đến kỳ góp hụi, bà H chưa góp thay cho anh G và chị Th. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc anh G chị Th trả cho bà H 176.000.000 đồng tiền hụi đã góp thay và buộc anh G chị Th có nghĩa vụ tiếp tục góp hụi mỗi tháng cho đến ngày kế thúc các dây hụi đúng quy định tại Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ–CP ngày 19-02-2019. Do đó, kháng cáo của bà H không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của anh G thấy rằng: Về cách trả nợ pháp luật không có quy định nên sẽ do các đương sự tự thỏa thuận. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, anh G yêu cầu trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị H và anh G mỗi người phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H; không chấp nhận kháng cáo của anh G; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2019/DS-ST ngày 29-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 17, 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 24, Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H đối với anh G, chị Nguyễn Thị Hồng Th về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"

- Buộc anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th trả cho bà Lê Thị H 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tiền gốc và 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Tổng cộng 2.125.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng)

- Buộc anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th trả cho bà Lê Thị H 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng) tiền hụi bà H đã góp thay tính đến ngày xét xử 29-10-2019 và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn các dây hụi, cụ thể:

Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25-3-2018: Anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th có nghĩa vụ tiếp tục đóng 04 tháng, mỗi tháng 40.000.000 đồng, tính từ ngày 25-11-2019 cho đến ngày mãn hụi 25-02-2020.

Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 20-5-2018: Anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th có nghĩa vụ tiếp tục đóng 06 tháng, mỗi tháng 40.000.000 đồng, tính từ ngày 20-11-2019 cho đến ngày mãn hụi 20-4-2020.

Dây hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05-11-2018: Anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th có nghĩa vụ tiếp tục đóng 12 tháng, mỗi tháng 20.000.000 đồng, tính từ ngày 05-11-2019 cho đến ngày mãn hụi 05-10-2020.

- Ghi nhận bà Lê Thị H không yêu cầu tính lãi tiền hụi đã góp thay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh G và chị Nguyễn Thị Hồng Th chịu 90.820.000 đồng.(Chín mươi triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị H 54.240.000 đồng (Năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007336 ngày 01-8-2019 và Biên lai thu số 0007452 ngày 23-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001934 ngày 18-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh G đã nộp xong khoản tiền này.

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001924 ngày 05-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà H đã nộp xong khoản tiền này.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.